**Kế Hoạch Phương Án Vay Vốn Đầu Tư Dây Chuyền Sản Xuất Bánh Mì**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ KHÁCH HÀNG**

| Hạng mục | Chi tiết |
| --- | --- |
| **Tên Dự án** | Đầu tư Dây chuyền Sản xuất Bánh mì Công nghiệp |
| **Lĩnh vực kinh doanh** | Sản xuất và chế biến thực phẩm (Bánh mì) |
| **Chủ đầu tư (Khách hàng)** | [Tên Cá nhân/Công ty của Quý khách] |
| **Vòng đời dự án dự kiến** | 10 năm |
| **Tổng vốn đầu tư dự kiến** | (Ba mươi tỷ đồng) |
| **Nhu cầu vốn vay** | (Hai mươi bốn tỷ đồng) |

**II. MỤC ĐÍCH VAY VỐN**

Khoản vay 24 tỷ VND được đề xuất nhằm **tài trợ 80%** Tổng vốn đầu tư ban đầu cho việc thiết lập và vận hành một dây chuyền sản xuất bánh mì hiện đại, công suất lớn.

Các mục đích cụ thể bao gồm:

1. **Mua sắm và Lắp đặt Dây chuyền Máy móc:** Đầu tư các thiết bị cốt lõi như lò nướng công nghiệp, máy trộn bột tự động, máy chia và tạo hình bột, hệ thống ủ nhanh, cùng các thiết bị phụ trợ khác, nhằm đảm bảo khả năng sản xuất hàng loạt, chất lượng ổn định.
2. **Cải tạo và Hoàn thiện Nhà xưởng:** Hoàn thiện khu vực sản xuất theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (HACCP), xây dựng kho chứa nguyên vật liệu và kho thành phẩm.
3. **Vốn Lưu động Ban đầu:** Chi trả cho nguyên vật liệu đầu vào (bột mì, men, phụ gia,...) và các chi phí vận hành, nhân sự ban đầu trong giai đoạn khởi động.

**III. PHƯƠNG ÁN NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN**

**1. Cơ cấu Nguồn Vốn (30 tỷ VND)**

| Nguồn Vốn | Số tiền (tỷ VND) | Tỷ lệ (%) |
| --- | --- | --- |
| **Vốn vay Ngân hàng** |  |  |
| **Vốn Chủ sở hữu** |  |  |
| **Tổng Vốn Đầu tư** |  |  |

**2. Kế hoạch Phân bổ Vốn**

| Hạng mục Đầu tư | Tỷ trọng dự kiến | Số tiền ước tính (tỷ VND) |
| --- | --- | --- |
| Mua sắm Thiết bị & Máy móc |  |  |
| Xây dựng/Cải tạo Nhà xưởng |  |  |
| Vốn Lưu động và Chi phí khác |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |

**IV. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VÀ DÒNG TIỀN DỰ KIẾN**

| Chỉ tiêu | Năm 1 - Năm 10 (Đơn vị: Tỷ VND/năm) | Ghi chú |
| --- | --- | --- |
| **Doanh thu hàng năm (R)** |  | Bắt đầu phát sinh dòng tiền từ cuối năm thứ nhất |
| **Chi phí hoạt động hàng năm (C)** |  | Chi phí nguyên vật liệu, nhân công, vận hành,... |
| **Lợi nhuận trước thuế (EBT)** |  |  |
| **Thuế TNDN (20%)** |  |  |
| **Lợi nhuận sau thuế** |  |  |

**V. PHƯƠNG ÁN TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TSBĐ)**

Khách hàng cam kết cung cấp tài sản đảm bảo có giá trị cao, tạo sự an tâm và thuận lợi cho việc phê duyệt khoản vay.

| Chỉ tiêu | Chi tiết |
| --- | --- |
| **Loại TSBĐ** | Bất động sản (Đất đai và/hoặc Tài sản gắn liền với đất) |
| **Giá trị định giá TSBĐ** | (Bảy mươi tỷ đồng) |
| **Số tiền vay đề xuất** |  |
| **Tỷ lệ LTV (Vay/TSBĐ)** |  |
| **Ghi chú** | Tỷ lệ LTV rất thấp, đảm bảo an toàn cao cho khoản vay của Ngân hàng. |

**VI. ĐỀ XUẤT VAY VỐN**

Khách hàng kính đề nghị Ngân hàng xem xét và phê duyệt khoản vay theo các điều kiện sau:

| Hạng mục | Đề xuất |
| --- | --- |
| **Số tiền vay** |  |
| **Thời hạn vay** | 7 - 10 năm (Theo vòng đời dự án) |
| **Lãi suất** | Theo chính sách và thỏa thuận của Ngân hàng tại thời điểm ký kết |
| **Phương thức trả nợ** | Lãi trả hàng tháng, gốc trả định kỳ hoặc theo thỏa thuận. |